TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU** Bản án số: 31/2025/HNGĐ-ST Ngày 29 tháng 4 năm 2025 V/v tranh chấp ly hôn	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Hồng Lam**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Khưu Liên Dung**

Bà **Dư Thị Út**

Thư ký phiên tòa: Bà **Hồng Thị Xuân** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tố Như** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu H, sinh ngày 10/9/1992

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Huỳnh H1, sinh ngày 10/01/1996;

Địa chỉ: Số A, Khóm B, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Thu H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà H và và ông Huỳnh H1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu ngày 24/12/2024, cả hai chỉ mới tổ chức đám hỏi, chưa tổ chức đám cưới, chưa sống chung cùng nhau. Bà H thấy giữa bà và ông H1 không hợp nhau nên không thể sống cùng nhau. Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông H1.

- Về con chung; Về tài sản chung; Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh H1 vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Về thủ tục tố tụng:

Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tống đạt các văn bản đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng, Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị.

- Về nội dung vụ án:

Có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Thị Thu H đối với ông Huỳnh H1.

Về con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của đương sự; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lê Thị Thu H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh H1, nên đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông H1 có nơi cư trú tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét thấy bà Lê Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Huỳnh H1 đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt bà H, ông H1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Lê Thị Thu H và ông Huỳnh H1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu ngày 24/12/2024. Nên hôn nhân giữa bà H và ông H1 là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bà H xác định bà và ông H1 chỉ mới tổ chức đám hỏi, chưa tổ chức đám cưới, chưa sống chung cùng nhau. Bà H thấy giữa bà và ông H1 không hợp nhau nên không thể sống cùng nhau. Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông H1. Ông H1 không có lời trình bày. Mặt khác, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng ông H1 đều vắng mặt tại các buổi hòa giải. Qua đó cho thấy ông H1 không có thiện chí hòa giải. Xét thấy mục đích của hôn nhân giữa bà H và ông H1 không đạt được.

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H, cho bà H được ly hôn với ông H1.

[4] Về con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định bà và ông H1 không có con chung, không có tạo lập được tài sản chung và cũng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Ông H1 không có ý kiến trình bày. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị Thu H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51; Điều 53; Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Thị Thu H đối với ông Huỳnh H1. Bà Lê Thị Thu H được ly hôn với ông Huỳnh H1.

2. Về con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình bà Lê Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng. Bà H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số

0003598 ngày 08/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

5. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- UBND phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu.

(đã ký)

Lê Hồng Lam